

Bản án số: **05/2023/HS-ST**

Ngày: 12-01-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Hiếu Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thanh Thủy

Ông Lưu Đức Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Ông Hoàng Văn Hoan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 97/2022/TLST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97.1/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo:

Từ Đại L (tên gọi khác: không), sinh năm: 1964 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Không; nơi ở: Không nơi ở nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 02/12, con ông: Từ Văn T (chết) và bà: Tống Thị D; tiền sự: Không

Tiền án:

- Ngày 22/6/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xử phạt 09 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam” tổng hợp hình phạt với Bản án số 182/HSST ngày 14/11/2008 của Tòa án nhân dân Quận 5 xử phạt 06 năm 06 tháng tù, buộc phải chấp hành chung hai bản án là 06 năm 01 tháng 24 ngày tù.

- Ngày 09/11/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, tổng hợp hình phạt, buộc chấp hành hình phạt chung là 06 năm 09 tháng 07 ngày.

- Ngày 28/9/2018 bị Tòa án nhân dân Quận 5 TP. Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 15/9/2020 bị Tòa án nhân dân Quận 3, TP. Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Nhân thân:

- Ngày 16/12/1985 bị Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp đưa đi cải tạo tại Trường Phổ thông Công Nông Nghiệp với thời hạn 24 tháng.

- Ngày 25/09/1990 bị Công an quận 10, TP. Hồ Chí Minh bắt về hành vi “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác”.

- Ngày 29/3/1991 bị Ủy ban nhân dân Quận 3, TP. Hồ Chí Minh quyết định xử lý bắt buộc lao động tập trung.

- Ngày 12/4/1993 bị Tòa án nhân dân thị xã Tân An (nay là Tp. Tân An), tỉnh Long An xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 26/4/1994 bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù.

- Ngày 15/12/1995 bị Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh xử phạt 30 tháng tù tại Bản án số 1829/HSST, ngày 02/7/1998 bị Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án sơ thẩm số 117/HSST và Bản án phúc thẩm số 1337/HSPT ngày 27/9/1999 của Tòa án nhân dân tối cao tại TP. Hồ Chí Minh,

- Ngày 21/4/2003 bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh xử phạt 06 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị bắt tạm giam ngày 12/8/2022; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông Trần Thanh B, sinh năm 1958 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Đường Nguyễn Duy D, Phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 12/8/2022, Từ Đại L đi bộ đến trước nhà số 150/12 đường Nguyễn Duy Dương, Phường 2, Quận 10 thấy cửa nhà đang mở hờ, không có ai nên L nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. L lén vào bên trong nhà thấy 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu gold, 01 (một) điện

thoại di động hiệu Nokia 210 màu đen và 01 (một) chiếc đồng hồ đeo tay hiệu Seiko để cạnh Tivi ở tầng trệt. L dùng tay trái lấy những tài sản trên bỏ vào túi quần đang mặc rồi quay lưng định đi ra ngoài. Lúc này, ông Trần Thanh B từ trên lầu đi xuống phát hiện tri hô, đuổi theo. Khi L vừa chạy ra khỏi cửa nhà thì bị Tổ tuần tra Công an Phường 2, Quận 10 bắt giữ cùng vật chứng, đưa về trụ sở Công an Phường 2, Quận 10 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, chuyển Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 10 điều tra, làm rõ.

Quá trình điều tra, L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 3202/KL-HĐĐGTS ngày 22/8/2022 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 chiếc điện thoại Iphone 7 Plus màu gold trị giá 2.500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 210 màu đen trị giá 100.000 đồng; 01 chiếc đồng hồ đeo tay hiệu Seiko trị giá 500.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

Đối với: 01 đĩa DVD ghi âm, ghi hình việc hỏi cung Từ Đại L (lưu vào hồ sơ vụ án).

Đối với: 01 chiếc điện thoại Iphone 7 Plus màu gold, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 210 màu đen, 01 chiếc đồng hồ đeo tay hiệu Seiko, đã trả lại cho ông Trần Thanh B, ông Bình không có yêu cầu gì khác.

Tại Cáo trạng truy tố số 92/CT-VKSQ10 ngày 12 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố: Từ Đại L về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, bị hại sau khi nêu lên những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (thành khẩn khai báo) của bị cáo; đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo: Từ Đại L từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của bị cáo: Không có ý kiến gì tranh luận.
- Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra cũng như trước phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình; qua lời khai nhận của bị cáo, đối chiếu với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng, bản kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định bị cáo Từ Đại L đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại với tổng giá trị là 3.100.000 đồng, nên bị cáo bị truy tố và xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Xét bị cáo là người có năng lực hành vi, đủ khả năng nhận thức được việc làm của mình nhưng vì tham lam muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà bị cáo bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là

nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Mặt khác bị cáo có quá trình nhân thân xấu, vừa chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm. Lỗi phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, bị cáo cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của mình gây ra, cụ thể cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tệ nạn tại địa phương. Ngoài ra áp dụng khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) phạt bổ sung bị cáo một số tiền để nộp ngân sách nhà nước.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo do vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017), phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền nộp ngân sách Nhà nước.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi và giao trả cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì; do vậy, không có gì để Tòa giải quyết.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm g khoản 2, 5 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017), tuyên bố bị cáo Từ Đại L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Từ Đại L 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/8/2022.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

- Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

2. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND Quận 10; (5)
- Công an Quận 10; (2)
- Chi cục THADS Quận 10; (1)
- Người tham gia tố tụng; (2)
- Lưu: VP, THAHS, Hồ sơ. (5)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Hiếu Hạnh